TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **636**/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 336/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thùy L**, sinh ngày: 22/10/2000.

Số CCCD: 079300020xxx, ngày cấp 07/4/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội.

Địa chỉ: Cx/xxA, ấp 52, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Trang Sĩ Hoài Đ**, sinh ngày: 05/03/2000.

Số CCCD: 079200018xxx, ngày cấp 09/07/2025 tại Bộ Công An.

Địa chỉ: Cx/xz ấp 53, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Thùy L và ông Trang Sĩ Hoài Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thùy L và ông Trang Sĩ Hoài Đ thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số abz, do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 19/12/2023 cho ông Trang Sĩ Hoài Đ và bà Lê Thị Thùy L không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Bà Lê Thị Thùy L và ông Trang Sĩ Hoài Đ chung sống với nhau không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thùy L và ông Trang Sĩ Hoài Đ xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Thùy L và ông Trang Sĩ Hoài Đ xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết**.**

2.5. Về án phí: Bà Lê Thị Thùy L tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số ký hiệu: 0007896 ngày 06/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Thùy L còn được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự (2).
- VKSND KV10 (2).
- THADS TP.HCM (1).
- Cơ quan đăng ký kết hôn (1).
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (3).

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Huyền